

Số: 461/QĐ-SLĐTBXH

Hải Dương, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI HẢI DƯƠNG**

Căn cứ các Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm và kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023 các đơn vị theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2:** Căn cứ dự toán ngân sách được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.


**Điều 3:** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị, Trưởng các phòng thuộc Sở có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC.



**Bùi Thanh Tùng**


**ĐU TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
**Đơn vị: Văn phòng Sở** Mã số ĐVSDNSNN: 1077567  
 (Kèm theo Quyết định số 461/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/12/2022)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.310.000.000</b>
<b>KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340-KHOẢN 341)</b>	<b>10.910.000.000</b>
<b>1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>8.612.000.000</b>
+ Quỹ lương	6.448.624.000
+ Chi thường xuyên theo định mức	1.724.376.000
+ Chi sửa chữa mua sắm ngoài định mức	0
+ Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:	439.000.000
<i>Hỗ trợ các Ban chi đạo (giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực)</i>	<i>27.000.000</i>
<i>Hỗ trợ kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư</i>	<i>45.000.000</i>
<i>Hỗ trợ công tác thu phí lệ phí (giao thu 500 triệu đồng)</i>	<i>187.000.000</i>
<i>Hỗ trợ công tác xử phạt vi phạm hành chính (giao thu 600 triệu), Thu hồi qua công tác thanh tra (giao thu 300 triệu)</i>	<i>180.000.000</i>
<b>2. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.970.000.000</b>
+ Tuyên truyền lao động việc làm, phòng chống tham nhũng	90.000.000
+ Trang phục thanh tra	25.000.000
+ Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề cho LĐNT, đưa người VN đi làm việc ở nước ngoài	337.000.000
+ Chương trình thu thập thông tin cung cầu lao động	900.000.000
+ Nâng cao năng lực truyền thông ANTVSLĐ	90.000.000
+ Tuyên truyền phổ biến pháp luật, tập huấn, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật	90.000.000
+ Tháng an toàn vệ sinh lao động	108.000.000
+ Hỗ trợ diệt mối	45.000.000
+ Văn bản QPPL	60.000.000
+ Chinh lý tài liệu chất đống	180.000.000
+ Mua sắm, sửa chữa	45.000.000

Nội dung	Tổng số
<b>3. Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)</b>	<b>328.000.000</b>
<b>II. SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XH</b>	<b>12.000.000.000</b>
<b>1. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ</b>	<b>0</b>
<b>2. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ</b>	<b>11.462.000.000</b>
- <b>KP chi thường xuyên không giao tự chủ (loại 370- khoản 371)</b>	<b>790.000.000</b>
+ <i>Khung bằng Tổ quốc ghi công</i>	100.000.000
+ <i>Thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ</i>	240.000.000
+ <i>Hỗ trợ thuê xe cho NCC đi điều dưỡng tại tỉnh ngoài</i>	400.000.000
+ <i>Hỗ trợ tiền đi đường cho NCC đi ĐH NCC toàn quốc</i>	50.000.000
- <b>KP chi thường xuyên không giao tự chủ (loại 370- khoản 372)</b>	<b>1.395.000.000</b>
+ <i>Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030</i>	1.170.000.000
+ <i>Hội nghị biểu dương người yêu trẻ, diễn đàn trẻ em</i>	135.000.000
+ <i>Chương trình phòng chống tai nạn thương tích trẻ em</i>	90.000.000
- <b>KP chi thường xuyên không giao tự chủ (loại 370- khoản 398)</b>	<b>9.277.000.000</b>
+ <i>Thực hiện chương trình quốc gia về Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022</i>	468.000.000
+ <i>Đề án nghề công tác xã hội theo kế hoạch 3236/2021 giai đoạn 2021-2030</i>	180.000.000
+ <i>Thực hiện chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng</i>	135.000.000
+ <i>Đề án trợ giúp người khuyết tật theo Kế hoạch 3234/2021 giai đoạn 2021-2030</i>	90.000.000
+ <i>Triển khai, hỗ trợ thực hiện NĐ 20/2021</i>	193.000.000
+ <i>Thực hiện luật Người khuyết tật, NĐ 28</i>	225.000.000
+ <i>Kinh phí triển khai các hoạt động từ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022</i>	1.420.000.000
- <i>Kinh phí Người cao tuổi (quà, khung chúc thọ, mừng thọ, tháng hành động NCT, quản lý vận chuyển khung)</i>	5.400.000.000
- <i>Đề án nhân rộng mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau</i>	18.000.000
+ <i>Hỗ trợ đội kiểm tra liên ngành 178</i>	30.000.000
+ <i>Chương trình PCTN mại túy</i>	340.000.000
+ <i>Chương trình PCTN mại dâm</i>	290.000.000

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
+ Phòng chống Mua bán người	60.000.000
+ Dự phòng (Tăng lương tối thiểu vùng)	428.000.000
<b>3. Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)</b>	<b>538.000.000</b>
Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 370-Khoản 398)	383.000.000
Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 370-Khoản 372)	155.000.000
<b>III. CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW (LOẠI 370-KHOẢN 371)</b>	<b>97.400.000.000</b>
<b>1. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ</b>	
<b>2. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ</b>	<b>97.400.000.000</b>
- Kinh phí trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong, mai táng phí, trợ cấp một lần theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 370-Khoản 371)	8.000.000.000
- Quà Lễ, Tết (Loại 370-Khoản 371)	89.200.000.000
- Kinh phí Chương trình phát triển công tác xã hội và Chương trình trợ giúp xã hội đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí (Loại 370-Khoản 398)	200.000.000
<b>Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch</b>	<b>KBNN Hải Dương</b>
<b>Tài khoản giao dịch tại KBNN</b>	<b>0361</b>



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023****Đơn vị: Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương****Mã số ĐVSDNSNN: 1129515***(Kèm theo Quyết định số 461/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/ 12 /2022)**Đơn vị tính: đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách</b>	
<b>1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>	<b>699.000.000</b>
<b>2. Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>529.000.000</b>
<b>3. Số nộp NSNN</b>	<b>140.000.000</b>
<b>I. Dự toán chi NSNN</b>	<b>40.360.000.000</b>
<b>SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XH (LOẠI 370-KHOẢN 398)</b>	<b>40.360.000.000</b>
<b>1. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)</b>	<b>28.248.000.000</b>
- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	28.248.000.000
<b>2. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)</b>	<b>11.618.000.000</b>
- Kinh phí chi cho đối tượng theo quy định, MSSC	11.618.000.000
<b>3. Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)</b>	<b>494.000.000</b>
<b>Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch</b>	<b>KBNN Hải Dương</b>
<b>Tài khoản giao dịch tại KBNN</b>	<b>0361</b>

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023****Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Dương****Mã số ĐVSDNSNN: 1078479****(Kèm theo Quyết định số 461/QĐ-SLĐTBXH ngày 30 / 12/2022)**

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách</b>	
<b>1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>	<b>16.312.000.000</b>
<b>2. Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>16.082.000.000</b>
<b>3. Số nộp NSNN</b>	<b>230.000.000</b>
<b>I. Dự toán chi NSNN</b>	<b><u>4.812.000.000</u></b>
<b>SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO (LOẠI 070-KHOẢN 098)</b>	<b>4.812.000.000</b>
<b>1. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ</b>	<b>4.024.000.000</b>
- KP ngân sách đặt hàng cung cấp DVSNC sử dụng kinh phí NSNN	4.024.000.000
<b>2. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ</b>	<b>788.000.000</b>
-KP NS giao nhiệm vụ cung cấp DVSNC sử dụng kinh phí NSNN	788.000.000
<b>3. Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)</b>	<b>0</b>
<b>Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch</b>	<b>KBNN Hải Dương</b>
<b>Tài khoản giao dịch tại KBNN</b>	<b>0361</b>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
**Đơn vị: Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Hải Dương**  
**Mã số ĐVSDNSNN: 1118653**  
*(Kèm theo Quyết định số 461/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/12/2022)*



Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số
<b>I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách</b>	
<b>1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>	<b>661.000.000</b>
<b>2. Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>600.000.000</b>
<b>3. Số nộp NSNN</b>	<b>61.000.000</b>
<b>I. Dự toán chi NSNN</b>	<b><u>10.357.000.000</u></b>
<b>SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XH (LOẠI 370-KHOẢN 371)</b>	<b>10.357.000.000</b>
<b>1. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)</b>	<b>6.243.000.000</b>
- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	6.243.000.000
<b>2. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)</b>	<b>4.000.000.000</b>
- Kinh phí hỗ trợ tiền xe cho NCC đi điều dưỡng; Hỗ trợ tiền nghỉ cho NCC đi thăm quan tỉnh ngoài, MSSC, hỗ trợ đặc thù khác ...	4.000.000.000
<b>3. Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)</b>	<b>114.000.000</b>
<b>Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch</b>	<b>KBNN Chí Linh</b>
<b>Tài khoản giao dịch tại KBNN</b>	<b>0366</b>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023****Đơn vị: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương****Mã số ĐVSDNSNN: 1129404**

(Kèm theo Quyết định số 461/QĐ-SLDTBXH ngày 30/12/2022)



Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách</b>	
<b>1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>	<b>1.045.000.000</b>
<b>2. Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>1.045.000.000</b>
<b>3. Số nộp NSNN</b>	<b>0</b>
<b>I. Dự toán chi NSNN</b>	<b><u>33.988.000.000</u></b>
<b>SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XH (LOẠI 370-KHOẢN 398)</b>	<b>33.988.000.000</b>
<b>1. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)</b>	<b>26.933.000.000</b>
- Kinh phí ngân sách cấp để thực hiện đặt hàng cung cấp DVSNC (Dịch vụ điều trị nghiện ma túy cho đối tượng cai nghiện theo hình thức tự nguyện)	9.205.000.000
- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	17.728.000.000
<b>2. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)</b>	<b>6.656.000.000</b>
- Kinh phí chi cho đối tượng theo quy định, MSSC, hỗ trợ đặc thù khác ...	6.656.000.000
<b>3. Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)</b>	<b>399.000.000</b>
<b>Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch</b>	<b>KBNN Chí Linh</b>
<b>Tài khoản giao dịch tại KBNN</b>	<b>0366</b>



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Đơn vị: Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần người có công và xã hội Hải Dương

Mã số ĐVSDNSNN: 1042897

(Kèm theo Quyết định số 461 /QĐ-SLĐTBXH ngày 30/ 12 /2022)



Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số
<b>I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách</b>	
1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	330.000.000
2. Chi từ nguồn thu được để lại	330.000.000
3. Số nộp NSNN	
<b>I. Dự toán chi NSNN</b>	<b>41.994.000.000</b>
<b>SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XH (LOẠI 370-KHOẢN 371)</b>	<b>41.994.000.000</b>
<b>1. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)</b>	<b>31.470.000.000</b>
- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ (Kinh phí dự toán là: 31.470.000.000 đồng; Kinh phí dự kiến thực hiện là 30.865.000.000 đồng; KP còn lại chưa có nội dung chi: 605.000.000 đồng)	31.470.000.000
<b>2. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)</b>	<b>9.949.000.000</b>
- Kinh phí chi cho đối tượng theo quy định, MSSC, hỗ trợ đặc thù khác ...	9.949.000.000
<b>3. Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)</b>	<b>575.000.000</b>
<b>Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch</b>	<b>KBNN Chí Linh</b>
<b>Tài khoản giao dịch tại KBNN</b>	<b>0366</b>